TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————————

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 7 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nhàn

Ông Trần Văn Luyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày *26* tháng *7* năm *2018* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *32/2018*/TLST-*HNGĐ* ngày *28* tháng 02 năm *2018* về *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *39/2018/*QĐXXST-HNGĐ ngày *11* tháng *7* năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị N – sinh năm 1981

Nơi cư trú: xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mộng T – sinh năm 1979

Nơi cư trú: xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 27/02/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Mộng T đăng ký kết hôn ngày 31/7/2000 tại UBND

xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên ghen tuông, xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2017 âm lịch đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu Toà án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn anh Nguyễn Mộng T;

- Con chung: có 03 con chung là Nguyễn Thị Nhâm sinh ngày 15/5/2002, Nguyễn Mộng Giáp sinh ngày 16/01/2004 và Nguyễn Mộng Vũ Hội sinh ngày 17/9/2010. Cháu Hội đang ở với mẹ tại nhà bà ngoại, cháu Giáp và cháu Nhâm đang ở với bố. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Hội và cháu Nhâm, đồng thời giao cho cháu Giáp cho anh T nuôi, không đề nghị giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: vợ chồng có các tài sản chung bao gồm: diện tích đất 158,1m^2 thuộc thửa 2016, tờ bản đồ số 15 tại xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Đô Lương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 mang tên Đặng Thị N và các tài sản gắn liền trên đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 06/6/2018.

Nếu chia tài sản, nguyên đơn đề nghị: chia đôi quyền sử dụng 158,1m^2 đất cho hai vợ chồng. Còn tài sản trên đất gắn liền trên phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng mà không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị N sẵn sàng nhận phần đất trống để xây nhà ở mà không yêu cầu anh T phải giao tiền chênh lệch do nhận quá tài sản trong trường hợp anh T muốn nhận phần đất có ngôi nhà để ở. Đối với những tài sản vợ chồng xây dựng trên đất lấn chiếm gồm 3,9m^2 giếng + 3,1m^2 nhà tắm + 0,8m^2 nhà + 2,8m^2 bếp + 3m^2 sân + 75,6m^2 nhà chứa trâu bò thì không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn những tài sản khác trước đây nguyên đơn có yêu cầu chia gồm 01 ngôi nhà + 01 nhà chứa trâu bò + 01 giếng khoan + 01 máy lọc nước + 01 bồn nước Inox + 01 con bê + 01 xe motô thì nay nguyên đơn xin rút yêu cầu.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị N đề nghị Tòa án không giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà để vợ chồng tự thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Mộng T có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết:

- Chấp nhận ly hôn;

- Về con chung: có 03 con chung là Mộng Thị Nhâm sinh ngày 15/5/2002, Nguyễn Mộng Giáp sinh ngày 16/01/2004 và Nguyễn Mộng Vũ Hội sinh ngày 17/9/2010. Cháu Hội đang ở với mẹ tại nhà bà ngoại, cháu Giáp và cháu Nhâm đang ở với bố. Bị đơn không đồng ý chia quyền và nghĩa vụ nuôi con mà yêu

cầu được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: vợ chồng có các tài sản chung bao gồm: diện tích đất 158,1m^2 thuộc thửa 2016, tờ bản đồ số 15 tại xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Đô Lương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 mang tên Đặng Thị N và các tài sản gắn liền trên đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 06/6/2018. Bị đơn không đồng ý chia tài sản chung vợ chồng mà đề nghị giữ nguyên tài sản để bị đơn được ở và nuôi 3 con chung. Bị đơn cũng không chấp nhận đề xuất chia ½ đất cho nguyên đơn. Riêng 3,9m^2 giếng + 3,1m^2 nhà tắm + 0,8m^2 nhà + 2,8m^2 bếp + 3m^2 sân + 75,6m^2 nhà chứa trâu bò là phần tài sản mà vợ chồng xây dựng trên đất lấn chiếm thì bị đơn cũng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mộng T; giao con chung Nguyễn Thị Nhâm và Nguyễn Mộng Vũ Hội cho chị N nuôi và giao con chung Nguyễn Mộng Giáp cho anh T nuôi; chia tài sản chung là diện tích đất 158,1m^2 thuộc thửa 2016, tờ bản đồ số 15 tại xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Đô Lương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 mang tên Đặng Thị N theo tỷ lệ nguyên đơn được chia ½, bị đơn được chia ½ (tương đương mỗi người 79m^2); không chia các tài sản chung gắn liền trên đất, các động sản khác như đề nghị của nguyên đơn và không buộc các đương sự phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn tiền chênh lệch do nhận quá tài sản; các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã N S về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Mộng T đăng ký kết hôn ngày 31/7/2011 tại UBND xã N S, huyện Đô Lương, Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 9, điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N, mâu thuẫn là do anh T hay ghen tuông, làm nhục chị, chửi bới gia đình bên ngoại và không chịu làm ăn. Còn anh T thì cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng là do lối sống hướng ngoại của chị N khiến cho anh không thích ứng được. Mặc dù các đương sự không thống nhất về mâu thuẫn nhưng đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nữa, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2017 âm lịch đến nay. Như vậy, có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mộng T.

[2.2]. Về quan hệ con chung: anh T và chị N có 03 con chung là Nguyễn Thị Nhâm sinh ngày 15/5/2002, Nguyễn Mộng Giáp sinh ngày 16/01/2004 và Nguyễn Mộng Vũ Hội sinh ngày 17/9/2010. Trong Giấy khai sinh của cháu Nhâm có phản ánh họ tên của cháu là Mộng Thị Nhâm; tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đã có sự cải chính hộ tịch từ họ tên "Mộng Thị Nhâm" sang họ tên "Nguyễn Thị Nhâm" vào ngày 09/5/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Cháu Hội đang ở với mẹ, cháu Nhâm và cháu Giáp đang ở với bố. Các đương sự đều có yêu cầu được nuôi con.

Cần xét: Nguyện vọng nuôi con của chị N và anh T đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ dành cho các con. Các con chung đã trên 7 tuổi, cháu Hội xin ở với mẹ, cháu Giáp xin ở với bố còn cháu Nhâm không có ý kiến gì về việc ở với bố hay mẹ. Như vậy, việc giao cháu Hội cho chị N nuôi và giao cháu Giáp cho anh T nuôi là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của các đương sự cũng như của con chung. Đối với cháu Nhâm, cả nguyên đơn và bị đơn đều giành quyền nuôi thì Hội đồng xét xử thấy: cháu Nhâm đã trên 16 tuổi, đang học phổ thông và không có nguyện vọng sống riêng với bố hoặc với mẹ. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì đối với con dưới 18 tuổi, cha mẹ vẫn có nghĩa vụ nuôi dưỡng nên dù cháu Nhâm không đồng ý thì Hội đồng xét xử vẫn phân xử quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi cháu Nhâm cho các đương sự. Cháu Nhâm là nữ, đang tuổi trưởng thành nên việc sống cùng với

mẹ sẽ phù hợp với quá trình phát triển tâm - sinh lý của cháu hơn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nhâm cho chị N nuôi. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung

[2.3.1]. Quyền tài sản chung: các đương sự thừa nhận diện tích đất 158,1m^2 thuộc thửa 2016, tờ bản đồ số 15 tại xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Đô Lương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 mang tên Đặng Thị N là tài sản chung vợ chồng. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi.

Còn đối với các tài sản gắn liền trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh T – chị N và gắn liền trên phần đất sử dụng lấn chiếm cũng như các động sản khác (gồm 01 ngôi nhà gắn liền trên đất và 01 nhà chứa trâu bò + 01 giếng khoan + 01 máy lọc nước + 01 bồn nước Inox + 01 con bê + 01 xe môtô) thì do nguyên đơn rút yêu cầu nên cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này theo luật định.

Đối với 3,9m^2 giếng + 3,1m^2 nhà tắm + 0,8m^2 nhà + 2,8m^2 bếp + 3m^2 sân + 75,6m^2 nhà chứa trâu bò do anh T chị N tạo dựng trên đất lấn chiếm là bất hợp pháp, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

Sau khi ly hôn, cả hai bên đều có nguyện vọng nhận nhà, đất để ở. Chị N xin được nhận phần đất trống để tự tạo dựng chỗ ở sau khi ly hôn và đồng ý giao phần đất đã xây nhà cho anh T sử dụng; chị N cũng đề nghị không buộc anh T phải giao tiền chênh lệch do nhận quá tài sản; còn anh T thì xin được nhận toàn bộ đất để ở mà không chấp nhận chia. Xét nguyện vọng của chị N là chính đáng, giải pháp chia đất chị N đưa ra là hợp lý và mặc dù diện tích đất tương đối hẹp nhưng vẫn có thể chia được bằng hiện vật để đảm bảo chỗ ở cho các đương sự và con chung sau khi ly hôn. Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia tài sản chung vợ chồng như sau:

- Chia cho chị Đặng Thị N sử dụng 78,6m^2 đất trị giá 7.860.000 đồng về phía Tây thửa đất số 2016, tờ bản đồ số 15 thuộc xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 do UBND huyện Đô Lương cấp, có ranh giới:

Phía Đông giáp đất giao cho anh T có kích thước 11,37m.

Phía Tây giáp phần đất thuộc quyền quản lý của UBND xã N S và đường xóm có kích thước 2,04m+10,79m

Phía Nam giáp phần đất thuộc quyền quản lý của UBND xã N S có kích thước 8,41m.

Phía Bắc giáp đất giao cho anh T có kích thước 4,99m

- Chia cho anh Nguyễn Mộng T sử dụng 79,5m^2 đất trị giá 7.950.000 đồng về phía Đông thửa đất số 2016, tờ bản đồ số 15 thuộc xóm 8 xã N S, huyện

Đô Lương, tỉnh Nghệ An ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 do UBND huyện Đô Lương cấp, có ranh giới:

Phía Tây giáp đất giao cho chị N có kích thước 11,37m + 4,99m.

Phía Đông giáp thửa đất 1839 có kích thước 8,97m.

Phía Nam giáp phần đất thuộc quyền quản lý của UBND xã N S có kích thước 3,84m

Phía Bắc giáp thửa đất 2030 và đường xóm có kích thước 13,8m+2m

Trên phần đất chia cho anh T, chị N có các tài sản chung vợ chồng gồm nhà, bếp, sân, giếng (thuộc những phần không nằm trên đất lấn chiếm) thì phần các tài sản này nằm trên đất chia cho ai thì người đó tiếp tục sử dụng mà Hội đồng xét xử không chia.

Tuy phần tài sản chia cho các đương sự có sự chênh lệch nhưng do chị N yêu cầu không nhận tiền chênh lệch nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải trích tiền chênh lệch do nhận quá tài sản cho chị N.

* Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: do đương sự đề nghị không giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.2]. Về nghĩa vụ tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí chia tài sản chung theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị N ly hôn anh Nguyễn Mộng T;

[2]. Về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Thị Nhâm (tức Mộng Thị Nhâm) sinh ngày 15/5/2002, Nguyễn Mộng Vũ Hội sinh ngày 17/9/2010 cho chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi; giao con chung Nguyễn Mộng Giáp sinh

ngày 16/01/2004 cho anh Nguyễn Mộng T trực tiếp nuôi. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về quan hệ tài sản chung vợ chồng:

[3.1]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn đối với các tài sản gồm: 01 ngôi nhà gắn liền trên đất và 01 nhà chứa trâu bò + 01 giếng khoan+01 máy lọc nước+01 bồn nước Inox+01 con bê+01 xe môtô.

[3.2]. Về quyền tài sản chung: Chia tài sản chung:

- Chia cho chị Đặng Thị N sử dụng 78,6m^2 đất trị giá 7.860.000 đồng về phía Tây thửa đất số 2016, tờ bản đồ số 15 thuộc xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 do UBND huyện Đô Lương cấp, có ranh giới:

Phía Đông giáp đất giao cho anh T có kích thước 11,37m.

Phía Tây giáp phần đất thuộc quyền quản lý của UBND xã N S và đường xóm có kích thước 2,04m+10,79m;

Phía Nam giáp phần đất thuộc quyền quản lý của UBND xã N S có kích thước 8,41m;

Phía Bắc giáp đất giao cho anh T có kích thước 4,99m.

- Chia cho anh Nguyễn Mộng T sử dụng 79,5m^2 đất trị giá 7.950.000 đồng về phía Đông thửa đất số 2016, tờ bản đồ số 15 thuộc xóm 8 xã N S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH00724/CN ngày 30/12/2014 do UBND huyện Đô Lương cấp, có ranh giới:

Phía Tây giáp đất giao cho chị N có kích thước 11,37m+4,99m;

Phía Đông giáp thửa đất 1839 có kích thước 8,97m;

Phía Nam giáp đất thuộc quyền quản lý của UBND xã N S có kích thước 3,84m;

Phía Bắc giáp thửa đất 2030 và đường xóm có kích thước 13,8m+2m.

Anh T không phải trích tiền chênh lệch do nhận quá tài sản cho chị N.

(Có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo Bản án).

[3.3]. Về nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

[4]. Về án phí: chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 393.000 (Ba trăm chín mươi ba ngàn) đồng án phí chia tài sản chung nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001814 ngày 28/02/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Trả lại cho chị N 5.607.000 (Năm triệu sáu trăm linh bảy ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Mộng T phải chịu 397.500 (Ba trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm) đồng án phí chia tài sản chung.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Mộng T và chị Đặng Thị N có nghĩa vụ thi hành các quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Đô Lương
- UBND xã N S
- CCTHADS huyện Đô Lương
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể

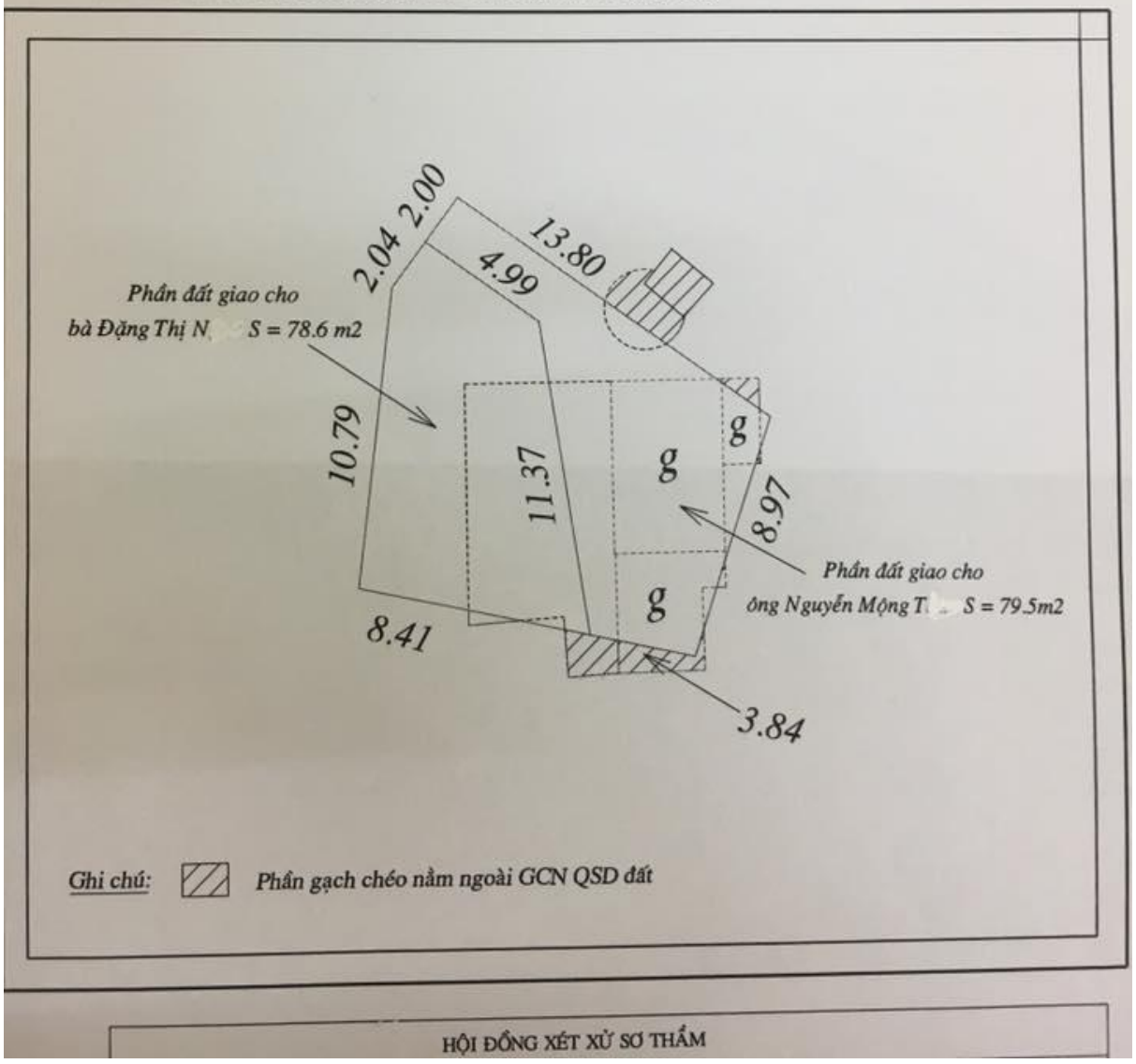
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ PHÂN CHIA NHÀ ĐẤT TRONG VỤ KIỆN LY HÔN

giữa ông: Nguyễn Mộng T và bà: Đặng Thị N

(kèm theo bản án sơ thẩm số: 143/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An)



Ghi chú: Phần gạch chéo nằm ngoài GCN QSD đất

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM